

Số: **11** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **04** tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
**Phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Quyết định số 59/2014/QĐ-UBND ngày 09/12/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 6799/TTr-STNMT ngày 29/12/2022 về việc phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

(Chi tiết Danh mục theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm công bố Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn tỉnh đến các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố và trên các phương tiện thông tin đại chúng; phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát, thống kê, cập nhật và tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Các Sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm phối hợp trong công tác quản lý, bảo vệ hồ, ao, đầm, phá không được san lấp; thường xuyên rà soát, thống kê, đề xuất điều chỉnh, bổ sung Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp; quản lý chặt chẽ không để xảy ra hoạt động san lấp hồ, ao, đầm, phá trái phép trên địa bàn.

3. UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm phổ biến nội dung

Quyết định này đến các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý hồ, ao, đầm, phá thuộc Danh mục không được san lấp trên địa bàn để các tổ chức, cá nhân biết và thực hiện.

4. Các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý hồ, ao, đầm, phá chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch quản lý, thực hiện các biện pháp bảo vệ hồ, ao, đầm, phá không được san lấp.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, CB-TH;
- Lưu: VT, KTNak1538.



Trần Phước Hiền

PHỤ LỤC
DANH MỤC HỒ TẠO, ĐÀM, PHẢ KHÔNG ĐƯỢC SAN LẤP
TRÊN ĐÀM, BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI
(Bắt hành kể từ theo Quyết định số 41/QĐ-UBND
số 04/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

STT	Tên hồ, ao, đầm, phả	Vị trí (xã, phường)	Diện tích (km ²)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình, chức năng	Ghi chú
I BÌNH SON						
1	Hồ Đá Bạc	Bình An	0,08	0,01	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
2	Hồ Long Đình	Bình An	0,06	0,05	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
3	Hồ Tuyên Tung	Bình An	20,00	0,42	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
4	Hồ Hàm Rồng	Bình Chánh	2,00	0,50	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
5	Hồ Cầm Đào	Bình Chương	0,03	0,20	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
6	Hồ Bình Nam	Bình Chương	0,02	0,20	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
7	Hồ Hóc Kén	Bình Chương	0,06	0,28	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
8	Hồ Tân Hoà	Bình Đông	0,13	0,40	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	

STT	Tên hồ, ao, đầm, phá	Vị trí (xã, phường)	Diện tích (km ²)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình, chức năng	Ghi chú
					nghiep	
9	Hồ Ruộng Chạy	Bình Đông	0,06	0,40	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
10	Hồ Vạn Tường	Bình Hải	1,30	-	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
11	Hồ Hồ Vàng	Bình Hiệp	0,90	0,32	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
12	Hồ Liên Trì	Bình Hiệp	0,90	0,70	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
13	Hồ Hoà Hải	Bình Hòa	1,75	0,40	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
14	Hồ Ao Gió	Bình Hòa	0,70	0,32	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
15	Hồ Hóc Móc	Bình Hòa	0,90	0,40	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
16	Hồ Gò Lang	Bình Hòa	0,89	0,76	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
17	Hồ Phước Hoà	Bình Khương	0,17	0,90	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
18	Hồ Hồ Đá	Bình Khương	1,20	0,79	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	

STT	Tên hồ, ao, đầm, phá	Vị trí (xã, phường)	Diện tích (km ²)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình, chức năng	Ghi chú
19	Hồ Châu Long	Bình Khương	0,80	0,40	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
20	Hồ Châu Thuận	Bình Khương	1,20	0,40	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
21	Hồ An Thành	Bình Khương	0,45	0,26	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
22	Hồ Học Mít	Bình Khương	1,00	0,40	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
23	Hồ Bình Yên	Bình Khương	0,80	0,48	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
24	Hồ Đội 13	Bình Long	0,02	0,10	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
25	Hồ Đội 14	Bình Long	0,01	0,20	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
26	Hồ Mỹ Thành	Bình Minh	0,01	0,06	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
27	Hồ Cầu Diên	Bình Minh	0,00	0,03	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
28	Hồ Tân An	Bình Minh	0,02	0,12	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
29	Hồ Tân Thành	Bình Minh	0,05	0,25	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	

STT	Tên hồ, ao, đầm, phá	Vị trí (xã, phường)	Diện tích (km ²)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình, chức năng	Ghi chú
					nghịệp	
30	Hồ Hồ Lữ	Bình Minh	0,80	0,12	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
31	Hồ An Phong	Bình Mỹ	0,05	0,36	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
32	Hồ Phước Tích	Bình Mỹ	0,03	0,08	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
33	Hồ Sơn Chà	Bình Nguyên	0,60	0,30	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
34	Hồ Nam Bình	Bình Nguyên	1,10	0,49	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
35	Hồ Trì Bình	Bình Nguyên	7,00	0,40	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
36	Hồ Cống Đá	Bình Nguyên	2,50	0,30	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
37	Hồ Hóc Đông	Bình Nguyên	0,80	0,05	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
38	Hồ Hồ Sâu	Bình Nguyên	0,50	0,03	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
39	Hồ Hóc Mua (Hồ Bông)	Bình Phước	1,54	0,38	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	

STT	Tên hồ, ao, đầm, phá	Vị trí (xã, phường)	Diện tích (km ²)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình, chức năng	Ghi chú
40	Hồ Trung Tín	Bình Phước	2,20	0,15	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
41	Hồ Phó Tinh	Bình Phước	0,38	0,21	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
42	Hồ Lỗ Ò	Bình Tân Phú	0,08	0,15	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
43	Hồ Phương Hoàng	Bình Tân Phú	0,10	0,40	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
44	Hồ Hóc Búa	Bình Tân Phú	0,07	0,31	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
45	Hồ Hồ Chuối	Bình Thanh	0,50	0,20	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
46	Hồ Bà Mau	Bình Thanh	1,50	0,10	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
47	Hồ Lỗ Tây	Bình Thanh	0,50	0,20	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
48	Hồ Hồ Lùng	Bình Thanh	0,80	0,17	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
49	Hồ Diêu Gà	Bình Thanh	1,00	0,20	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
50	Hồ Gia Hội	Bình Thanh	2,11	0,81	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông	

STT	Tên hồ, ao, đầm, phá	Vị trí (xã, phường)	Diện tích (km ²)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình, chức năng	Ghi chú
					ngoại	
51	Hồ An Hội	Bình Thạnh	0,88	0,46	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
52	Hồ Bà Dò	Bình Thạnh	0,31	0,02	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
53	Hồ Hóc Búa	Bình Thạnh	1,30	0,30	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
54	Hồ Hóc Cù	Bình Thuận	0,40	0,10	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
55	Hồ Hóc Hai	Bình Trị	0,06	0,25	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
56	Hồ Suối Khoai	Bình Trị	0,03	0,35	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
57	Hồ Hồ Tuyên	Bình Trưng	0,02	0,09	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
58	Hồ Hồ Chuối	Bình Trưng	0,05	0,10	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
59	Hồ Hóc Ngải	Bình Hòa	0,03	-	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
60	Hồ Giếng Cầu	Bình Hòa	0,00	-	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	

STT	Tên hồ, ao, đầm, phá	Vị trí (Xã, phường)	Diện tích (km ²)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình, chức năng	Ghi chú
61	Hồ Hóc Bó	Bình An	0,02	0,04	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
62	Hồ Cả Liêu	Bình Trị	0,00	-	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
63	Hồ chứa Đá Bàn	Bình Trị	0,00	-	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
64	Hồ Hóc Dọc	Bình Nguyễn	1,20	0,63	Hồ nhân tạo, phục vụ sản xuất nông nghiệp	
65	Ao Ông Thọ	Bình Chánh	0,00	-	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
66	Ao Lãng	Bình Chánh	0,00	-	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
67	Ao Muong Thạch	Bình Chánh	0,00	-	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
68	Bàu Tiên Đào	Bình Trung	0,04	-	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
69	Ao Vạn	Bình Trị	0,00	-	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
70	Ao Hòa	Bình Trị	0,00	-	Hồ nhân tạo, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	
II	SON TINH					

STT	Tên hồ, ao, đầm, phá	Vị trí (xã, phường)	Diện tích (km ²)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình, chức năng	Ghi chú
1	Hồ Hố Quýt	Tịnh Thọ	1,75	0,96	Hồ nhân tạo, bảo vệ nguồn nước, phục vụ tưới sản xuất nông nghiệp	
2	Hồ Hố Tre	Tịnh Giang	1,70	0,95	Hồ nhân tạo, bảo vệ nguồn nước, phục vụ tưới sản xuất nông nghiệp	
3	Hồ Cây Bứa	Tịnh Giang	0,70	0,29	Hồ nhân tạo, bảo vệ nguồn nước, phục vụ tưới sản xuất nông nghiệp	
4	Hồ Hố Môn	Tịnh Giang	0,50	0,17	Hồ nhân tạo, bảo vệ nguồn nước, phục vụ tưới sản xuất nông nghiệp	
5	Hồ Bà Bông	Tịnh Đông	2,00	0,10	Hồ nhân tạo, bảo vệ nguồn nước, phục vụ tưới sản xuất nông nghiệp	
6	Hồ Hố Hiếu	Tịnh Đông	0,72	0,12	Hồ nhân tạo, bảo vệ nguồn nước, phục vụ tưới sản xuất nông nghiệp	
7	Hồ Hố Đèo	Tịnh Hiệp	2,10	0,40	Hồ nhân tạo, bảo vệ nguồn nước, phục vụ tưới sản xuất nông nghiệp	
8	Hồ Hố Vàng	Tịnh Hiệp	2,30	0,90	Hồ nhân tạo, bảo vệ nguồn nước, phục vụ tưới sản xuất nông nghiệp	
9	Hồ Sơn Rái	Tịnh Trà	2,50	0,60	Hồ nhân tạo, bảo vệ nguồn nước, phục vụ tưới sản xuất nông nghiệp	
10	Hồ Hóc Cơ	Tịnh Trà	0,33	0,20	Hồ nhân tạo, bảo vệ nguồn nước, phục vụ tưới sản xuất nông nghiệp	

STT	Tên hồ, ao, đầm, phá	Vị trí (xã, phường)	Diện tích (km ²)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình, chức năng	Ghi chú
11	Hồ Đa Chông	Tỉnh Bình	3,50	0,70	Hồ nhân tạo, bảo vệ nguồn nước, phục vụ tưới sản xuất nông nghiệp	
12	Hồ Hóc Khê	Tỉnh Bình	0,60	0,38	Hồ nhân tạo, bảo vệ nguồn nước, phục vụ tưới sản xuất nông nghiệp	
13	Hồ Hóc Tùng	Tỉnh Thọ	1,20	0,29	Hồ nhân tạo, bảo vệ nguồn nước, phục vụ tưới sản xuất nông nghiệp	
14	Hồ Hóc Lùng	Tỉnh Phong	1,00	0,70	Hồ nhân tạo, bảo vệ nguồn nước, phục vụ tưới sản xuất nông nghiệp	
15	Hồ Sau Ao	Tỉnh Phong	1,00	0,40	Hồ nhân tạo, bảo vệ nguồn nước, phục vụ tưới sản xuất nông nghiệp	
16	Ao Bàu Sen	Tỉnh Minh	0,61	0,12	Bàu tự nhiên, bảo vệ nguồn nước	
17	Ao Bàu Trai	Tỉnh Minh	0,59	0,12	Bàu tự nhiên, bảo vệ nguồn nước	
18	Ao Bàu Sen, thôn Đông	Tỉnh Sơn	0,43	0,10	Bàu tự nhiên, bảo vệ nguồn nước	
19	Ao Bàu Hung	Tỉnh Bắc	0,87	0,27	Bàu tự nhiên, bảo vệ nguồn nước	
20	Ao Bàu Trai	Tỉnh Bắc	0,49	0,15	Bàu tự nhiên, bảo vệ nguồn nước	
III. TP. QUẢNG NGÃI						
1	Hồ điều hòa Nghĩa Chánh	Nghĩa Chánh	0,0284	0,11	Hồ nhân tạo, chống ngập úng	

STT	Tên hồ, ao, đầm, phá	Vị trí (xã, phường)	Diện tích (km ²)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình, chức năng	Ghi chú
2	Hồ điều hòa Bàu Cả	Lê Hồng Phong	0,0252	0,10	Hồ nhân tạo, chống ngập úng	
3	Hồ Bàu Bạc	Trương Quang Trọng	0,03	0,15	Hồ tự nhiên	
4	Hồ Quảng Phú	Quảng Phú	0,043	0,17	Hồ nhân tạo	
5	Hồ Nghĩa Đông 1	Nghĩa Đông	0,0355	0,11	Hồ nhân tạo	
6	Hồ Nghĩa Đông 2	Nghĩa Đông	0,0266	0,09	Hồ nhân tạo	
7	Hồ Nghĩa Dũng	Nghĩa Dũng	0,09	0,28	Hồ nhân tạo	
8	Hồ Nghĩa Hà 1	Nghĩa Hà	0,015	0,05	Hồ nhân tạo	
9	Hồ Nghĩa Hà 2	Nghĩa Hà	0,01	0,03	Hồ nhân tạo	
10	Hồ Tịnh An Tây	Tịnh An Tây	0,0213	0,07	Hồ nhân tạo	
11	Hồ Sơn Tịnh	Trương Quang Trọng	0,0233	0,08	Hồ nhân tạo	
12	Hồ Tịnh Long	Tịnh Long	0,03	0,15	Hồ nhân tạo	
13	Bàu mặt nước chuyên dùng	Tịnh An	1,15	-	Tự nhiên	

STT	Tên hồ, ao, đầm, phá	Vị trí (xã, phường)	Diện tích (km ²)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình, chức năng	Ghi chú
14	Ao Công	Tịnh Thiện	0,49	-	Tự nhiên, chống ngập úng	
15	Ao xí nghiệp	Tịnh Thiện	0,44	-	Tự nhiên, chống ngập úng	
IV TỰ NGHĨA						
1	Hồ Bầu Sen	Nghĩa Thắng	0,091	0,18	Hồ tự nhiên	
2	Hồ Bầu Lú	Nghĩa Thắng	0,015	0,03	Hồ tự nhiên	
3	Hồ Hóc Xoài	Nghĩa Thắng	8,72	1,55	Để tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp	
4	Hồ Bầu Lãng	Nghĩa Kỳ	0,002	-	phục vụ phát triển du lịch	
5	Hồ Bầu Sắt	Nghĩa Kỳ	0,02	-	phục vụ phát triển du lịch	
6	Hồ Thục Thứ	Nghĩa Hòa	0,00025	-	Ao tự nhiên, phục vụ sản xuất	
7	Hồ Hồ Tạc	Nghĩa Thuận	0,7	0,14	Để tưới phục vụ sản xuất	
8	Hồ Hồ Tre	Nghĩa Thuận	0,3	0,10	Để tưới phục vụ sản xuất	
9	Hồ Đông Điền	Nghĩa Lâm	0,50		Hồ nhân tạo, phục vụ sản xuất nông nghiệp	
10	Ao Tròn	Nghĩa Hòa	0,00015	-	Ao tự nhiên, phục vụ sản xuất	
11	Ao Phầm	Nghĩa Hòa	0,0002	-	Ao tự nhiên, phục vụ sản xuất	
12	Ao Bà	Nghĩa Hòa	0,0002	-	Ao tự nhiên, phục vụ sản xuất	
13	Ao Ba Dủ	Nghĩa Hòa	0,00017	-	Ao tự nhiên, phục vụ sản xuất	
14	Ao Tân Thanh	Nghĩa Hòa	0,00025	-	Ao tự nhiên, phục vụ sản xuất	
15	Ao Bà Tám	Nghĩa Hòa	0,0005	-	Ao tự nhiên, phục vụ sản xuất	

STT	Tên hồ, ao, đầm, phá	Vị trí (xã, phường)	Diện tích (km ²)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình, chức năng	Ghi chú
V	NGHĨA HÀNH					
1	Hồ Hó Số	Hành Đức	0,92	0,16	Hồ nhân tạo, phục vụ sản xuất nông nghiệp	
2	Hồ Hó Cua	Hành Thiện	0,50	0,01	Hồ nhân tạo, phục vụ sản xuất nông nghiệp	
3	Hồ Đập Làng	Hành Thịnh	0,50	0,01	Hồ nhân tạo, phục vụ sản xuất nông nghiệp	
4	Hồ Suối Chí	Hành Tín Đông	18,00	0,02	Hồ nhân tạo, phục vụ sản xuất nông nghiệp	
5	Hồ Đồng Ngõ	Hành Tín Đông	1,00	0,03	Hồ nhân tạo, phục vụ sản xuất nông nghiệp	
6	Hồ Đập Làng	Hành Tín Tây	3,93	0,41	Hồ nhân tạo, phục vụ sản xuất nông nghiệp	
7	Hồ Cây Quen	Hành Tín Tây	2,32	0,86	Hồ nhân tạo, phục vụ sản xuất nông nghiệp	
8	Hồ Hóc Cài	Hành Thiện	1,95	0,43	Hồ nhân tạo, phục vụ sản xuất nông nghiệp	
VI	MỘ ĐỨC					
1	Hồ Hóc Mít	Đức Phú	0,29	0,70	Hồ nhân tạo, cung cấp nước tưới cho trồng trọt, chăn nuôi	
2	Hồ Lỗ Thùng	Đức Phú	0,35	0,55	Hồ nhân tạo, cung cấp nước tưới cho trồng trọt, chăn nuôi	
3	Hồ Hóc Sầm	Đức Phú	7,50	1,45	Hồ nhân tạo, cung cấp nước tưới cho trồng trọt, chăn nuôi	

STT	Tên hồ, ao, đầm, phá	Vị trí (xã, phường)	Diện tích (km ²)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình, chức năng	Ghi chú
4	Hồ Mạch Diêu	Đức Phú	3,55	2,27	Hồ nhân tạo, cung cấp nước tưới cho trồng trọt, chăn nuôi	
5	Hồ Lỗ Thùng	Đức Hòa	0,02	0,02	Hồ nhân tạo, phục vụ sản xuất	
6	Hồ Đá Bàn	Đức Tân	5,72	1,03	ao tự nhiên, để điều tiết nước	
7	Hồ Tú Sơn 1	Đức Lân	0,42	1,10	Hồ nhân tạo, cung cấp nước tưới cho trồng trọt, chăn nuôi	
8	Hồ Ông Tới	Đức Lân	5,00	1,52	Hồ nhân tạo, phục vụ sản xuất nông nghiệp	
9	Hồ Cửa Khâu	thị trấn Mộ Đức	0,03	0,06	Hồ nhân tạo, chứa nước điều tiết	
10	Hồ Gò Ai	thị trấn Mộ Đức	0,02	0,01	Hồ nhân tạo, chứa nước điều tiết	
VII ĐỨC PHỐ						
1	Hồ Liệt Sơn	Phổ Hòa	36,8	24,97	Hồ nhân tạo, Phòng chống ngập úng và bảo vệ nguồn nước.	
2	Hồ An Thọ	Phổ Ninh	3,4	2,69	Hồ nhân tạo, Phòng chống ngập úng và bảo vệ nguồn nước.	
3	Hồ Sở Hầu	Phổ Nhơn	10,5	2,23	Hồ nhân tạo, Phòng chống ngập úng và bảo vệ nguồn nước.	
4	Hồ Diên Trường	Phổ Khánh	22,2	4,43	Hồ nhân tạo, Phòng chống ngập úng và bảo vệ nguồn nước.	

STT	Tên hồ, ao, đầm, phá	Vị trí (xã, phường)	Diện tích (km ²)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình, chức năng	Ghi chú
5	Hồ Huân Phong	Phổ Cường	1,85	1,90	Hồ nhân tạo, Phòng chống ngập úng và bảo vệ nguồn nước	
6	Hồ Cây Sanh	Phổ Châu	2,5	0,65	Hồ nhân tạo, Phòng chống ngập úng và bảo vệ nguồn nước	
7	Hồ Lỗ Lá	Phổ Nhon	7,6	1,94	Hồ nhân tạo, Phòng chống ngập úng và bảo vệ nguồn nước	
8	Hồ Cây Khé	Phổ Thạnh	3,45	0,59	Hồ nhân tạo, Phòng chống ngập úng và bảo vệ nguồn nước	
9	Hồ Ông Thơ	Phổ Khánh	2,35	0,31	Hồ nhân tạo, Phòng chống ngập úng và bảo vệ nguồn nước	
10	Hồ Hóc Cây	Phổ Cường	2	0,21	Hồ nhân tạo, Phòng chống ngập úng và bảo vệ nguồn nước	
11	Hồ Hóc Nghi	Phổ Cường	0,7	0,32	Hồ nhân tạo, Phòng chống ngập úng và bảo vệ nguồn nước	
12	Hồ Hóc Vừng	Phổ Châu	0,52	0,05	Hồ nhân tạo, Phòng chống ngập úng và bảo vệ nguồn nước	
13	Hồ Cây Xoài	Phổ Thạnh	3,1	0,62	Hồ nhân tạo, Phòng chống ngập úng và bảo vệ nguồn nước	
14	Đầm Lâm Bình	Phổ Cường	2	-	Đầm tự nhiên, Bảo vệ nguồn nước và điều hòa khí hậu	

STT	Tên hồ, ao, đầm, phá	Vị trí (xã, phường)	Diện tích (km ²)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình, chức năng	Ghi chú
15	Đầm An Khê	Phố Khánh – Phố Thạnh	3,47	-	Đầm tự nhiên, Bảo vệ nguồn nước và điều hòa khí hậu	
VIII BA TÒ						
1	Hồ Núi Ngang	Ba Liên	57,00	21,07	Hồ nhân tạo; có chức năng phòng chống ngập và bảo vệ nguồn nước	
2	Hồ Suối Loa	Ba Đông và Ba Thành	4,00	0,38	Hồ nhân tạo; có chức năng bảo vệ nguồn nước	
3	Hồ Tôn Dung	Thị trấn Ba Tờ	10,80	0,52	Hồ nhân tạo; có chức năng bảo vệ nguồn nước	
IX MINH LONG						
1	Hồ Biều Qua	Long Sơn	2,05	1,07	Hồ nhân tạo; bảo vệ nguồn nước	
2	Hồ Đông Càn	Thanh An	2,3	0,47	Hồ nhân tạo; bảo vệ nguồn nước	
3	Hồ Hồ Cả	Long Mai	4,07	1,17	Hồ nhân tạo; bảo vệ nguồn nước	
4	Hồ điều hòa	Long Hiệp	0,00251		Hồ nhân tạo, điều hòa không khí	
X SƠN HÀ						
1	Hồ Nước Trong	Sơn Bao	460	289,50	Hồ nhân tạo, chống ngập úng, lũ lụt, điều tiết nước	
2	Hồ Di Lăng	thị trấn Di Lăng	10,30	8,31	Hồ nhân tạo, chống ngập úng, lũ lụt, điều tiết nước	
3	Hồ Đông Giang	Sơn Giang	0,70	0,48	Hồ tự nhiên, phục vụ sản xuất nông nghiệp, tưới	

STT	Tên hồ, ao, đầm, phá	Vị trí (xã, phường)	Diện tích (km ²)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình, chức năng	Ghi chú
4	Hồ Nước Bạc	Sơn Giang	0,20	0,02	Hồ nhân tạo, phục vụ sản xuất nông nghiệp	Nằm trong hạng mục công trình trung tâm bảo tồn văn hóa Hê - Hạng
5	Ao cá Bác Hồ	thị trấn Di Lăng	0,006	0,013	Ao nhân tạo, điều hòa tạo cảnh quan đô thị	Hạng mục mặt nước và cây xanh cảnh quan
XI TRÀ BÔNG						
1	Hồ Gò Kiêu	Trà Bình	0,055	0,14	Hồ nhân tạo, cung cấp nước tưới tiêu, bảo vệ nguồn nước	
2	Hồ Cây Sanh	Trà Bình	2,10	0,12	Hồ nhân tạo, cung cấp nước tưới tiêu, bảo vệ nguồn nước	
3	Hồ Sinh Kiến	Trà Bình	2,60	0,83	Hồ nhân tạo, cung cấp nước tưới tiêu, bảo vệ	

STT	Tên hồ, ao, đầm, phá	Vị trí (xã, phường)	Diện tích (km ²)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình, chức năng	Ghi chú
4	Hồ Giếng Hoãn	Trà Bình	0,002	0,02	Hồ nhân tạo, cung cấp nước tưới tiêu, bảo vệ nguồn nước	
5	Hồ Hồ Võ	Trà Bình	0,005	0,18	Hồ nhân tạo, cung cấp nước tưới tiêu, bảo vệ nguồn nước	
6	Hồ Vực Thành	Trà Phú	6,83	0,55	Hồ nhân tạo, cung cấp nước tưới tiêu, bảo vệ nguồn nước	
7	Hồ Hồ Leo	Trà Phú	2,00	0,07	Hồ nhân tạo, cung cấp nước tưới tiêu, bảo vệ nguồn nước	
8	Hồ Rộc Sâu	Thị trấn Trà Xuân	1,00	0,03	Hồ nhân tạo, cung cấp nước tưới tiêu, bảo vệ nguồn nước	
9	Hồ Gò Bông	Thị trấn Trà Xuân	1,50	0,07	Hồ nhân tạo, cung cấp nước tưới tiêu, bảo vệ nguồn nước	
10	Hồ Đông Điền	Thị trấn Trà Xuân	1,80	0,05	Hồ nhân tạo, cung cấp nước tưới tiêu, bảo vệ nguồn nước	
11	Hồ Suối Thìn	Trà Bùi	2,00	0,13	Hồ nhân tạo, cung cấp nước tưới tiêu, bảo vệ nguồn nước	
12	Ao Ruộng Sông	Thị trấn Trà Xuân	0,01	0,02	Ao nhân tạo, cung cấp nước tưới tiêu, bảo vệ nguồn nước	
XIII	LÝ SON					

STT	Tên hồ, ao, đầm, phá	Vị trí (xã, phường)	Diện tích (km ²)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình, chức năng	Ghi chú
1	Hồ Thới Lới	An Hải	0,34	0,27	Hồ tự nhiên, bảo vệ nguồn nước, phục vụ sản xuất nông nghiệp	